

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Số: 16/2020/HNGĐ - ST
Ngày 31 tháng 7 năm 2020
"V/v tranh Chấp hôn nhân gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Quang Lương và bà Phạm Thị Phương Linh.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiệp là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thịnh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2020/TLST – HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020, về tranh Chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXX - ST ngày 15 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991; nơi ĐKKHKT: Thôn 4, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện đang sinh sống tại: Thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

Bị đơn: Anh Trần Văn C, sinh năm 1989; nơi ĐKKHKT: Thôn 4, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam V; địa chỉ: Xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 4 năm 2020, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Trần Văn C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 13 tháng 4 năm 2018. Trước khi kết hôn, cả hai anh Chị đều được tự do tìm hiểu nhau. Sau ngày cưới, chị về làm dâu gia đình nhà anh C ngay. Quá trình chung sống, ban đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc. Đến đầu năm 2018,

chị phát hiện anh C sử dụng ma túy dẫn đến chơi bời không quan tâm đến gia đình, chị đã khuyên bảo anh C rất nhiều lần nhưng không có kết quả ngược lại vợ chồng còn phát sinh mâu thuẫn trầm trọng hơn. Tháng 10 năm 2018 anh C bị bắt và bị Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc xử phạt 03 năm 09 tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, hiện tại anh C đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam V. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn C.

Bị đơn là anh Trần Văn C có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tại biên bản lấy lời khai và đơn đề nghị ngày 25/6/2020, anh C trình bày:

Anh xác định về thời gian đăng ký kết hôn, thời gian chung sống như lời trình bày trên của chị H là đúng. Anh C xác định, nguyên nhân vợ chồng anh Chị xảy ra mâu thuẫn là do, trong cuộc sống hàng ngày giữa anh và chị H sống không hiểu nhau dẫn đến thường xuyên bất đồng quan điểm. Anh thừa nhận, do anh Chán nản nên đã sa ngã vào con đường nghiện ngập ma túy, cuối năm 2018 anh bị Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc xử phạt 03 năm 09 tháng tù như lời chị H trình bày ở trên. Hiện tại anh đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam V, đến tháng 02/2021 anh sẽ chấp hành xong hình phạt tù trở về gia đình. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Chị H và anh C đều xác định, vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Thị Ngọc Q, sinh ngày 13/11/2018. Hiện tại cháu đang ở cùng với bố mẹ anh C. Ly hôn chị H có nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C đồng ý giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, sau khi mãn hạn tù nếu anh Có nguyện vọng xin nuôi con thì anh sẽ yêu cầu giải quyết sau.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị H và anh C không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng mọi trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, bị đơn và những người tham gia tố tụng khác đều chấp hành đầy đủ theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H và cho chị H được ly hôn với anh Trần Văn C.

Về con chung: Giao cho chị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thị Ngọc Q, sinh ngày 13/11/2018 cho đến khi thành niên. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung, không ai được cản trở quyền thăm nom và chăm sóc con chung của anh C.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị H và anh C không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn, yêu cầu xin ly hôn đối với bị đơn là anh Trần Văn C. Trong quá trình giải quyết vụ án chị H và anh C đều thừa nhận, anh Chị kết hôn với nhau vào ngày 13 tháng 4 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về tranh Chấp hôn nhân và gia đình, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự.

- Anh Trần Văn C là bị đơn trong vụ án, đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam V nên không thể tham gia phiên tòa. Vì vậy anh C đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Văn C theo thủ tục chung.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Chị H xác định, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C. Căn cứ vào lời trình bày của anh C, bà Nguyễn Thị A (là mẹ đẻ anh C) trong quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày của chị H tại phiên tòa; kết quả xác minh thu thập chứng cứ thấy rằng: Chị H và anh C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T nên cần xác định đây là cuộc hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, Chị H và anh C đều thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do, trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng không hiểu nhau dẫn đến thiếu sự chia sẻ. Khi tình cảm vợ chồng dần nứt, anh C

không tìm biện pháp hàn gắn mà chọn cách sống buông thả trượt dài trong ma túy dẫn đến vi phạm pháp luật. Sau khi anh C bị bắt thì tháng 10 năm 2018, chị H cũng bỏ về nhà bố mẹ để sống từ đó cho đến nay. Khi chị H xin ly hôn thì anh C đồng ý ngay. Chứng tỏ, tình cảm vợ chồng giữa Chị H và anh C đã dần nứt đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ nên cần chấp nhận và cho chị H được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị H và anh C đều thừa nhận, vợ chồng có 01 là cháu Trần Thị Ngọc Q, sinh ngày 13/11/2018. Hiện tại cháu Q đang ở cùng với bố mẹ anh C. Ly hôn chị H có nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C đồng ý giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, sau khi chấp hành xong hình phạt tù trở về gia đình, nếu anh C có nguyện vọng xin dịch chuyển quyền nuôi con thì anh sẽ yêu cầu sau. Căn cứ vào kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án, lời khai của bà Huệ là mẹ đẻ anh C thấy rằng. Hiện tại vợ chồng bà Huệ đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q. Nguyện vọng của chị H xin được nuôi con. Xét thấy, việc nuôi dạy và chăm sóc các con vừa là quyền lợi và cũng là nghĩa vụ của cả cha và mẹ. Tại thời điểm này, anh C đang phải chấp hành hình phạt tù tại Trại Giam V không thể trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q được nên anh C đồng ý giao con chung cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy Hội đồng xét xử cần giao cháu Q cho chị H nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Không ai được quyền cản trở việc thăm nom và chăm sóc con chung của anh C.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị H và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì vậy quan điểm đề xuất của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trần Văn C.

2/ Về con chung: Giao con chung là Trần Thị Ngọc Q, sinh ngày 13/11/2018 cho chị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Anh Trần Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H và không ai được cản trở việc thăm nom và chăm sóc con chung của anh C.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0005675 ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Xác nhận chị H đã nộp đủ.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu HS, VT;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Hạnh